TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------
Số: **686**/2024/QĐST-HNGĐ	*Đông Anh, ngày 27 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 689/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lê Đình A**, sinh năm 1990. Nơi thường trú: 222 B1.4 HH01C, khu đô thị Thanh Hà, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Căn C910, Chung cư CT14, thôn Hậu Dưỡng, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Căn C910, Chung cư CT14, thôn Hậu Dưỡng, xã Kim Chung, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/12/2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/12/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Đình A và chị Nguyễn Thị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình A và chị Nguyễn Thị B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2014, quyển số 01/2014, đăng ký ngày 13/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ cấp cho anh Lê Đình A và chị Nguyễn Thị B không còn giá trị pháp lý.

- **Về con chung**: Anh Lê Đình A và chị Nguyễn Thị B có 02 con chung là cháu Lê Nguyễn Hà Dương, sinh ngày 01/4/2015 và cháu Lê Nam Hải, sinh ngày 30/01/2020.

Sau ly hôn, anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương, chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hải và hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi từng con chung thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh A, chị B đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Lê Đình A và chị Nguyễn Thị B đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, anh Lê Đình A chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh A đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: **71750** ngày 19/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, TP. Hà Nội. Anh A được trả lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Đông Anh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã An Đạo, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;*
- *Lưu hồ sơ./.*

Nguyễn Lâm Bình